|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | | PHÒNG KẾ HOẠCH-TÀI CHÍNH | | Số hiệu:**QT.KHTC-CKQT-03** | |
| **QUY TRÌNH QUYẾT TOÁN VÀ CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH** | | Lần Ban hành: 01 | |
| Ngày Ban hành:14/08/2020 | |
| Tổng số trang:12 | |
| **BẢNG THEO DÕI NHỮNG THAY ĐỔI**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **TT** | Lần sửa đổi | Trang | Nội dung thay đổi | **Ngày thay đổi** | |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  | | | | | | |
|  |  | | | |  |
| **SOẠN THẢO** | | | **XEM XÉT** | **PHÊ DUYỆT** | |
| **Mai Diễm Hương** | | | **Phạm Ánh Sương** | **Từ Diệp Công Thành** | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | PHÒNG KẾ HOẠCH-TÀI CHÍNH | Số hiệu: **QT.KHTC-CKQT-03** |
| **QUY TRÌNH QUYẾT TOÁN VÀ CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN** | Lần Ban hành: 01 |
| Ngày Ban hành:14/08/2020 |
| Tổng số trang: 12 |

**1. MỤC ĐÍCH**

Quy trình này quy định thống nhất trình tự tiến hành quyết toán kinh phí và công khai xét duyệt quyết toán ngân sách hàng năm tại Trường Đại học Bạc Liêu.

**2. PHẠM VI ÁP DỤNG**

- Phạm vi áp dụng: Quy trình này bao gồm các hoạt động thanh quyết toán tại Trường Đại học Bạc Liêu;

- Đối tượng áp dụng: Quy trình này áp dụng đối với kinh phí NSNN cấp và nguồn thu của Trường Đại học Bạc Liêu được giao dự toán trong năm (không bao gồm nguồn vốn XDCB).

**3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN**

- Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

- Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà hỗ trợ;

- Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 31/2019/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được NSNN hỗ trợ;

- Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10 tháng 07 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp;

- Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính về quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm;

- Các quy định hiện hành cảu Nhà nước có liên quan.

**4. THUẬT NGỮ, ĐỊNH NGHĨA VÀ CHỮ VIẾT TẮT**

**4.1 Định nghĩa:**

Dự toán ngân sách của đơn vị: là lập dự trù kinh phí hoạt động trong một năm tài chính (năm dự toán), được tổng hợp số liệu liên quan từ các đơn vị chức năng trực thuộc Trường để thực hiện các hoạt động, công việc dự kiến trong năm kế hoạch.

Đơn vị: Gồm các khoa, phòng, trung tâm, thư viện và các đơn vị thuộc trường

**4.2 Chữ viết tắt:**

- ĐHBL: Đại học Bạc Liêu

- STC: Sở Tài chính

- HT: Hiệu trưởng

- PHT: Phó hiệu trưởng

- KH-TC: Kế hoạch – Tài chính

- CKQT: Công khai quyết toán

- BCTC: Báo cáo tài chính

- BCQT: Báo cáo quyết toán

- NSNN: Ngân sách nhà nước

**5. TRÁCH NHIỆM**

- Phòng KH-TC chịu trách nhiệm chính trong công tác quyết toán và công khai quyết toán của toàn trường theo đúng quy định.

- Hiệu trưởngchịu trách nhiệm ký duyệt báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính và công khai quyết toán hàng năm.

**6. NỘI DUNG QUY TRÌNH**

**6.1. Lưu đồ quy trình**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Bước** | **Các bước công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian** |
| 1 | Nhận thông báo xét duyệt quyết toán  Công khai quyết toán năm  Hoàn thiện BCTC, BCQT  Kiểm tra, xét duyệt BCTC, BCQT  Thông báo xét duyệt quyết toán  Lưu hồ sơ | KH-TC  HT hoặc P.HT | Tháng 1 |
| 2 | STC | Tháng 2 |
| 3 | STC | Từ tháng 3 đến tháng 4 |
| 4 | KTT,  Hiệu trưởng | Tháng 7 |
| 5 | KH-TC | 15 ngày sau khi quyết toán được phê duyệt. |
| 6 | KH-TC | Sau bước 5 |

**6.2. Mô tả quy trình**

| **Bước** | **Nội dung công việc** | **Đơn vị thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Biểu mẫu/**  **Tài liệu**  **đính kèm** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bước 1: Nhận thông báo xét duyệt quyết toán | STC gửi thông báo về việc xét duyệt, thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán năm đối với các đơn vị thụ hưởng ngân sách. | KH-TC  BGH | Từ tháng 01 đến tháng 2 |  |
| Bước 2:  Hoàn thiện BCTC, BCQT | Phòng KH-TC tổng hợp chứng từ các nguồn kinh phí lập BCTC, BCQT và tất cả số kế toán theo đúng biểu mẫu quy định tại TT 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 trình Hiệu trưởng ký và gửi báo cáo đến cơ quan thẩm quyền theo đúng thời gian quy định. | STC | Tháng 2 |  |
| Bươc 3:  Kiểm tra, xét duyệt BCTC, BCQT | - Chuyên quản STC trực tiếp đến Trường ĐHBL cùng với kế toán được phân công thực hiện việc đối chiếu, cung cấp tài liệu kế toán, biểu mẫu theo quy định.  - Trường hợp không thống nhất số liệu thì Trường có văn bản giải trình để đi đến thống nhất.  -Sau khi thống nhất số liệu đối chiếu, kiểm tra khớp đúng tiến hành lập biên bản xét duyệt quyết toán ngân sách theo đúng quy định có xác nhận đại diện của STC và Trường. | STC,  ĐBHL | Theo thông báo xét duyệt quyết toán | BM01/QT.KHTC-CKQT-03 |
| Bước 4:  Thông báo xét duyệt quyết toán | Căn cứ vào BCTC, BCQT ngân sách năm của Trường và biên bản xét duyệt quyết toán ngân sách năm STC ra thông báo xét duyệt quyết toán năm. | STC | Tháng 7 | BM02/QT.KHTC-CKQT-03 |
| Bước 5: Công khai quyết toán năm | - Căn cứ thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm của STC, Phòng KHTC tham mưu với BGH thực hiện công khai quyết toán năm theo quy định  - Gửi quyết định công khai quyết toán đến STC và công khai theo đúng hình thức, thời gian quy định. | KH-TC;  HT | Chậm nhất 15 ngày sau khi quyết toán được phê duyệt. | BM03/QT.KHTC-CKQT-03  BM04/QT.KHTC-CKQT-03 |
| Bước 6: Lưu hồ sơ | Phòng KH-TC thực hiện chế độ lưu trữ hồ sơ theo quy định | KH-TC | Sau bước 5 | Các biểu mẫu, sổ kế toán |

**7. HỒ SƠ VÀ BIỂU MẪU**

**7.1 Hồ sơ lưu**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên hồ sơ** | **Hình thức lưu trữ** | **Thời gian lưu trữ (tối thiểu)** | **Nơi lưu trữ** |
| 1 | Thông báoxét duyệt, thẩm định BCTC, BCQT | Bản cứng, đóng quyển | 05 năm | KH-TC |
| 2 | Biên bản xét duyệt quyết toán ngân sách năm | Bản cứng, đóng quyển | 10 năm | KH-TC |
| 3 | Thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm | Bản cứng, đóng quyển | 10 năm | KH-TC |
| 4 | Quyết định về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm | Bản cứng, đóng quyển | 05 năm | KH-TC |
| 5 | Quyết toán thu-chi NSNN năm ... | Bản cứng, đóng quyển | 05 năm | KH-TC |
| 6 | Sổ kế toán, BCTC, BCQT | Bản cứng, đóng quyển | 10 năm | KH-TC |

**7.2Phụ lục biểu mẫu**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên biểu mẫu** | **Ký hiệu** |
| 1 | Biên bản xét duyệt quyết toán ngân sách năm | BM01/QT.KHTC-CKQT-03 |
| 2 | Thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm | BM02/QT.KHTC-CKQT-03 |
| 3 | Quyết định về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm | BM03/QT.KHTC-CKQT-03 |
| 4 | Quyết toán thu-chi NSNN năm ... | BM04/QT.KHTC-CKQT-03 |

BM 01/QT.KHTC-CKQT-03

**PHỤ LỤC 01**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*…, ngày.... tháng....năm...*

**BIÊN BẢN**

**Xét duyệt/Thẩm định quyết toán ngân sách năm...1**

**Đơn vị được xét duyệt/thẩm định: ...**

**Mã chương:** ...

**I. Thành phần xét duyệt/thẩm định:**

1. Đại diện đơn vị dự toán được xét duyệt/thẩm định:

Ông, bà ………. Chức vụ ……

2. Đại diện cơ quan, đơn vị xét duyệt/thẩm định:

Ông, bà ………. Chức vụ ……

3. ……….……….……….……….

**II. Nội dung xét duyệt (hoặc thẩm định):**

**1. Phạm vi xét duyệt (hoặc thẩm định):**

Quyết toán ngân sách năm …. (không bao gồm quyết toán vốn ……….).

**2. Số liệu quyết toán:**

a) Thu phí, lệ phí

- Tổng số thu trong năm: ……….………. đồng

- Số phải nộp ngân sách nhà nước: ……….………. đồng

- Số phí được khấu trừ, để lại: ……….………. đồng

*(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 3a ban hành kèm theo Thông tư này đối với xét duyệt/thẩm định quyết toán ngân sách năm 2017; theo Mẫu biểu 1a ban hành kèm theo Thông tư này đối với xét duyệt/thẩm định quyết toán từ năm ngân sách 2018).*

b) Quyết toán chi ngân sách:

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang

- Dự toán được giao trong năm: ………. đồng, trong đó:

+ Dự toán giao đầu năm: ……….………. đồng;

+ Dự toán bổ sung trong năm: ……….………. đồng;

- Kinh phí thực nhận trong năm: ………. đồng;

- Kinh phí quyết toán: ………. đồng;

- Kinh phí giảm trong năm: ………. đồng

- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: ……… đồng, bao gồm:

+ Kinh phí đã nhận: ……….……….………. đồng;

+ Dự toán còn dư ở Kho bạc: ……….……….………. đồng;

*(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 3b ban hành kèm theo Thông tư này đối với xét duyệt/thẩm định quyết toán ngân sách năm 2017; theo Mẫu biểu 1c ban hành kèm theo Thông tư này đối với xét duyệt/thẩm định quyết toán từ năm ngân sách 2018).*

3. Tình hình thực hiện kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính

- Tổng số kinh phí phải nộp NSNN: …… đồng

- Tổng số kinh phí đã nộp NSNN: ……. … đồng

- Tổng số kinh phí còn phải nộp NSNN: ….. đồng

*(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu số 69 Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC)*

4. Thuyết minh số liệu quyết toán:

Thuyết minh, đánh giá tình hình quyết toán ngân sách đối với các nhiệm vụ chi, chương trình, mục tiêu được giao quản lý; trong đó đánh giá cụ thể nguyên nhân tăng, giảm so với dự toán được giao trong năm, gắn với kết quả cụ thể về tình hình thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội để đánh giá hiệu quả, kết quả chỉ tiêu của từng nhiệm vụ, chương trình, mục tiêu, lĩnh vực được giao quản lý; thuyết minh chi tiết kinh phí chuyển sang năm sau, kinh phí hủy dự toán (nếu có), nộp ngân sách nhà nước; thuyết minh về số tăng, giảm biên chế, chi từ nguồn NSNN bằng ngoại tệ... Nêu rõ nguyên nhân chênh lệch giữa số liệu xét duyệt/thẩm định với số liệu báo cáo của đơn vị được xét duyệt/thẩm định (nếu có).

Đối với các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách: thuyết minh đánh giá kết quả, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ của Quỹ.

**III. Nội dung đối chiếu số liệu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ2:**

- Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm: ….. đồng, trong đó:

- Sử dụng kinh phí tiết kiệm của cơ quan hành chính: …… đồng

- Trích lập các Quỹ: …… đồng

- Kinh phí cải cách tiền lương:... đồng

*(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 3a ban hành kèm theo Thông tư này đối với xét duyệt/thẩm định quyết toán ngân sách năm 2017; theo Mẫu biểu 1b ban hành kèm theo Thông tư này đối với xét duyệt/thẩm định quyết toán từ năm ngân sách 2018).*

**IV. Nhận xét và kiến nghị:**

1. Nhận xét:

- Về chấp hành thời hạn nộp báo cáo quyết toán

- Về các mẫu biểu báo cáo quyết toán

- Về thực hiện xét duyệt quyết toán năm đối với đơn vị dự toán cấp dưới, đơn vị trực thuộc (đối với đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán cấp I).

- Về chấp hành các quy định của Nhà nước như: về lập, phân bổ và giao dự toán; về mua sắm, sửa chữa tài sản; quản lý và sử dụng tài sản; chế độ thu, nộp ngân sách nhà nước; chế độ chi tiêu; hạch toán thu, chi, mục lục ngân sách nhà nước....

- Về thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước, thanh tra và cơ quan tài chính.

……..

2. Kiến nghị:

Nêu các nội dung cần kiến nghị của đơn vị được xét duyệt/thẩm định và đơn vị xét duyệt/thẩm định liên quan đến chấp hành các quy định của Nhà nước và thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước, thanh tra và cơ quan tài chính của đơn vị được xét duyệt/thẩm định.

Biên bản này được lập thành 04 bản (mỗi bên giữ hai bản) được thông qua và được mọi người nhất trí ký tên dưới đây./.

|  |  |
| --- | --- |
| **Đại diện đơn vị được xét duyệt/thẩm định Thủ trưởng đơn vị** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* | **Đại diện....** *(tên cơ quan tài chính hoặc đơn vị dự toán cấp trên) (Ký, ghi rõ họ tên)* |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

*1 Đối với xét duyệt/thẩm định quyết toán từ năm ngân sách 2018: Trường hợp đơn vị được xét duyệt/thẩm định không sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước, nguồn phí được khấu trừ để lại, nguồn hoạt động khác được để lại; chi có nguồn thu hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ thì cơ quan xét duyệt không xét duyệt quyết toán đối với đơn vị. Tên Biên bản được sửa lại là:****“Đối chiếu số liệu kết quả hoạt động năm …"****và sửa lại các cụm từ “xét duyệt/thẩm định ” trong Biên bản thành “đối chiếu số liệu ”. Nội dung Biên bản chỉ làm phần đối chiếu số liệu kết quả hoạt động năm.*

2 *Nội dung này dành cho cơ quan xét duyệt quyết toán đối với đơn vị trực thuộc, cơ quan thẩm định quyết toán chi tổng hợp số liệu, không phải đối chiếu số liệu.*

BM 02/QT.KHTC-CKQT-03

**PHỤ LỤC 02**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên cơ quan tài chính, hoặc đơn vị dự toán cấp trên -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số:   /TB-.... | *……, ngày … tháng … năm …* |

**THÔNG BÁO**

**Xét duyệt/Thẩm định quyết toán ngân sách năm …. 3**

**Đơn vị được thông báo:....**

**Mã chương:....**

Căn cứ Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm;

Căn cứ báo cáo quyết toán ngân sách năm.... của.... *(tên đơn vị được thông báo)* và biên bản xét duyệt/thẩm định) quyết toán ngày …/…/… giữa.... *(tên đơn vị)* và .... *(tên đơn vị)*;

........... *(tên cơ quan, đơn vị thông báo)* thông báo xét duyệt/thẩm định quyết toán ngân sách năm.... (không bao gồm ...........) của.... *(tên đơn vị được thông báo)* như sau:

4 *Nội dung này dành cho cơ quan xét duyệt quyết toán đối với đơn vị trực thuộc, cơ quan thẩm định quyết toán chi tổng hợp số liệu, không phải đối chiếu số liệu.*

**I. Phần số liệu:**

**1. Số liệu quyết toán:**

a) Thu phí, lệ phí

- Tổng số thu trong năm: ...................... đồng

- Số phải nộp ngân sách nhà nước: .............. đồng

- Số phí được khấu trừ, để lại: ............... đồng

*(Số liệu chi tiết theo*[*Mẫu biểu 3a*](https://luatvietnam.vn/noi-dung-thay-doi.html?DocItemId=489952&DocItemRelateId_Select=23005)*ban hành kèm theo Thông tư này đối với quyết toán ngân sách năm 2017; theo*[*Mẫu biểu 1a*](https://luatvietnam.vn/noi-dung-thay-doi.html?DocItemId=489952&DocItemRelateId_Select=23006)*ban hành kèm theo Thông tư này đối với quyết toán từ năm ngân sách 2018)*.

b) Quyết toán chi ngân sách:

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang

- Dự toán được giao trong năm: …… đồng, trong đó:

+ Dự toán giao đầu năm: ........... đồng;

+ Dự toán bổ sung trong năm: ........... đồng;

- Kinh phí thực nhận trong năm: ........... đồng;

- Kinh phí quyết toán: ........... đồng;

- Kinh phí giảm trong năm: ........... đồng

- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: ……. đồng, bao gồm:

+ Kinh phí đã nhận: ........... đồng;

+ Dự toán còn dư ở Kho bạc: ......................đồng;

*(Số liệu chi tiết theo*[*Mẫu biểu 3b*](https://luatvietnam.vn/noi-dung-thay-doi.html?DocItemId=489952&DocItemRelateId_Select=23007)*ban hành kèm theo Thông tư này đối với xét duyệt/thẩm định quyết toán ngân sách năm 2017; theo*[*Mẫu biểu 1c*](https://luatvietnam.vn/noi-dung-thay-doi.html?DocItemId=489952&DocItemRelateId_Select=23083)*ban hành kèm theo Thông tư này đối với xét duyệt/thẩm định quyết toán từ năm ngân sách 2018)*.

2. Tình hình thực hiện kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính

- Tổng số kinh phí phải nộp NSNN: ……. đồng

- Tổng số kinh phí đã nộp NSNN: ………. đồng

- Tổng số kinh phí còn phải nộp NSNN: ……. đồng

*(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu số 69 Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC)*

3. Thuyết minh số liệu quyết toán:

Thuyết minh, đánh giá tình hình quyết toán ngân sách đối với các nhiệm vụ chi, chương trình, mục tiêu được giao quản lý; trong đó đánh giá cụ thể nguyên nhân tăng, giảm so với dự toán được giao trong năm, gắn với kết quả cụ thể về tình hình thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội để đánh giá hiệu quả, kết quả chỉ tiêu của từng nhiệm vụ, chương trình, mục tiêu, lĩnh vực được giao quản lý; thuyết minh chi tiết kinh phí chuyển sang năm sau, kinh phí hủy dự toán (nếu có), nộp ngân sách nhà nước; thuyết minh về số tăng, giảm biên chế, chi từ nguồn NSNN bằng ngoại tệ... Nêu rõ nguyên nhân chênh lệch giữa số liệu xét duyệt/thẩm định với số liệu báo cáo của đơn vị được xét duyệt/thẩm định (nếu có).

Đối với các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách: thuyết minh đánh giá kết quả, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ của Quỹ.

**III. Nội dung đối chiếu số liệu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ4:**

- Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm: …… đồng, trong đó:

- Sử dụng kinh phí tiết kiệm của cơ quan hành chính: …… đồng

- Trích lập các Quỹ: ……. đồng

- Kinh phí cải cách tiền lương:... đồng

*(Số liệu chi tiết theo*[*Mẫu biểu 3a*](https://luatvietnam.vn/noi-dung-thay-doi.html?DocItemId=489953&DocItemRelateId_Select=23009)*ban hành kèm theo Thông tư này đối với xét duyệt/thẩm định quyết toán ngân sách năm 2017; theo*[*Mẫu biểu 1b*](https://luatvietnam.vn/noi-dung-thay-doi.html?DocItemId=489953&DocItemRelateId_Select=29655)*ban hành kèm theo Thông tư này đối với xét duyệt/thẩm định quyết toán từ năm ngân sách 2018)*.

**IV. Nhận xét và kiến nghị:**

1. Nhận xét:

- Về chấp hành thời hạn nộp báo cáo quyết toán

- Về các mẫu biểu báo cáo quyết toán

- Về thực hiện xét duyệt quyết toán năm đối với đơn vị dự toán cấp dưới, đơn vị trực thuộc (đối với đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán cấp I).

- Về chấp hành các quy định của Nhà nước như: về lập, phân bổ và giao dự toán; về mua sắm, sửa chữa tài sản; quản lý và sử dụng tài sản; chế độ thu, nộp ngân sách nhà nước; chế độ chi tiêu; hạch toán thu, chi, mục lục ngân sách nhà nước....

- Về thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước, thanh tra và cơ quan tài chính

…….

2. Kiến nghị:

Nêu các nội dung cần kiến nghị của đơn vị xét duyệt/thẩm định liên quan đến chấp hành các quy định của Nhà nước và thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước, thanh tra và cơ quan tài chính của đơn vị được xét duyệt/thẩm định.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Đơn vị được XD/TĐ quyết toán; - Các đơn vị liên quan như: Kiểm toán nhà nước và kho bạc nhà nước (đối với thông báo XD/TĐ của Bộ Tài chính), cơ quan tài chính (đối với thông báo của đơn vị dự toán cấp I XD/TĐ đơn vị dự toán cấp dưới), đơn vị dự toán cấp I (đối với thông báo của đơn vị dự toán cấp trên XD đơn vị dự toán cấp dưới); - Lưu: VT, nơi phát hành | **THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN TÀI CHÍNH, HOẶC ĐƠN VỊ DỰ TOÁN CẤP TRÊN** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

BM 03/QT.KHTC-CKQT-03

*(Mẫu số 01/QĐ-CKNS ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC*

*ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên đơn vị dự toán NS**  Số: /QĐ- | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *........., ngày... tháng.... năm...* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm....**

**của (đơn vị dự toán ngân sách)**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ....;

Xét đề nghị của...,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán (hoặc quyết toán) ngân sách năm... của... (theo các biểu đính kèm)

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh văn phòng, Vụ trưởng/Trưởng phòng Tài chính (Kế hoạch Tài chính) và các đơn vị liên quan thuộc và trực thuộc tổ chức thực hiện Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Cơ quan tài chính cùng cấp;  - Đơn vị dự toán cấp trên;  - Các đơn vị trực thuộc;  - Lưu: VT,... | **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  *(Chữ ký, dấu)*  **Họ và tên** |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| BM 04/QT.KHTC-CKQT-03  *Biểu số 4 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính* | | | | | |
| **Đơn vị:…………………..** | |  |  |  |  |
| **Chương:…………….** | |  |  |  |  |
| **QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC năm ...** | | | | | |
| *(Kèm theo Quyết định số /QĐ- … ngày…/…/….của…. )* | | | | | |
| (Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị | | | | | |
| dự toán sử dụng ngân sách nhà nước) | | | | | |
|  |  |  | | ***ĐV tính: Triệu đồng*** | |
| **Số  TT** | **Nội dung** | **Tổng số liệu báo cáo  quyết toán** | **Tổng số liệu quyết toán  được duyệt** | **Chênh lệch** | **Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)** |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5=4-3** | **6** |
| **A** | **Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí** |  |  |  |  |
| I | Số thu phí, lệ phí |  |  |  |  |
| 1 | Lệ phí |  |  |  |  |
| 2 | Phí |  |  |  |  |
| II | Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại |  |  |  |  |
| *1* | *Chi sự nghiệp………………….* |  |  |  |  |
| a | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên |  |  |  |  |
| b | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên |  |  |  |  |
| *2* | *Chi quản lý hành chính* |  |  |  |  |
| a | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ |  |  |  |  |
| b | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ |  |  |  |  |
| III | Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước |  |  |  |  |
| *1* | *Lệ phí* |  |  |  |  |
| *2* | Phí |  |  |  |  |
| B | Quyết toán chi ngân sách nhà nước |  |  |  |  |
| I | Nguồn ngân sách trong nước |  |  |  |  |
| 1 | Chi quản lý hành chính |  |  |  |  |
| 1.1 | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ |  |  |  |  |
| 1.2 | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ |  |  |  |  |
| 2 | Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ |  |  |  |  |
| 2.1 | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ |  |  |  |  |
|  | *- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia* |  |  |  |  |
|  | *- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ* |  |  |  |  |
|  | *- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở* |  |  |  |  |
| 2.2 | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng |  |  |  |  |
| 2.3 | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên |  |  |  |  |
| 3 | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề |  |  |  |  |
| 3.1 | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên |  |  |  |  |
| 3.2 | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên |  |  |  |  |
| 4 | Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình |  |  |  |  |
| 4.1 | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên |  |  |  |  |
| 4.2 | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên |  |  |  |  |
| 5 | Chi bảo đảm xã hội |  |  |  |  |
| 5.1 | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên |  |  |  |  |
| 5.2 | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên |  |  |  |  |